

STT	Lớp 11	MSHS 22-23	Lớp 10 21-22	Họ và tên HS	NỮ	ĐIỂM TBM	Danh hiệu	A1
01	B12	B12-01	C09-03	Lê Huỳnh Phương Anh	x	8.30	HSTT	23.6
02	B12	B12-02	C05-03	Nguyễn Hoàng Thái Anh	x	8.40	HSG	23.5
03	B12	B12-03	C06-05	Nguyễn Thị Ngọc Bích	x	8.10	HSTT	22.8
04	B12	B12-04	C04-08	Võ Tân Cường		8.00	HSG	23.1
05	B12	B12-05	C01-09	Trần Nguyễn Hải Duy		8.80	HSG	22.6
06	B12	B12-06	C08-12	Nguyễn Anh Dũng		8.00	HSG	22.8
07	B12	B12-07	C07-10	Nguyễn Tân Đạt		8.60	HSG	23.3
08	B12	B12-08	C10-05	Lê Anh Đức		7.90	HSTT	22.7
09	B12	B12-09	C07-12	Nguyễn Minh Đức		8.20	HSTT	22
10	B12	B12-10	C01-11	Nguyễn Nguyên Giáp		7.80	HSTT	22.4
11	B12	B12-11	C08-15	Hồ Huỳnh Bảo Hân	x	8.60	HSG	23.8
12	B12	B12-12	C12-11	Nguyễn Trần Ngọc Hân	x	7.90	HSTT	21.6
13	B12	B12-13	C14-12	Lê Nguyễn Toàn Hiên		7.80	HSTT	22.1
14	B12	B12-14	C07-20	Trần Nguyễn Gia Huy		8.50	HSG	22.8
15	B12	B12-15	C10-06	Hồng Huy Hùng		8.00	HSTT	22.4
16	B12	B12-16	C06-11	Trịnh Đăng Hưng		8.30	HSTT	23.6
17	B12	B12-17	C06-13	Trần Anh Khôi		8.40	HSG	22.5
18	B12	B12-18	C14-16	Trần Quốc Lâm		8.60	HSG	23.2
19	B12	B12-19	C15-15	Lương Nguyễn Khánh Linh	x	8.80	HSTT	23.6
20	B12	B12-20	C03-45	Nguyễn Phan Thùy Linh	x	7.80	HSTT	22.6
21	B12	B12-21	C12-16	Trần Xuân Bảo Long		8.50	HSTT	21.9
22	B12	B12-22	C12-17	Trần Đình Nhật Luân		8.10	HSG	21.9
23	B12	B12-23	C04-19	Huỳnh Thế Lương		7.80	HSTT	22.7
24	B12	B12-24	C09-18	Nguyễn Tân Lực		8.40	HSG	23.9
25	B12	B12-25	C13-22	Vũ Nam		8.50	HSTT	23.4
26	B12	B12-26	C01-25	Mai Phương Nghi	x	8.30	HSG	22.1
27	B12	B12-27	C05-17	Đặng Kim Ngọc	x	8.80	HSG	23.2
28	B12	B12-28	C08-27	Lê Khánh Ngọc	x	8.00	HSG	22.5
29	B12	B12-29	C06-30	Tô Minh Như	x	8.70	HSG	23.2
30	B12	B12-30	C12-24	Đỗ Gia Phú		8.70	HSTT	22.4
31	B12	B12-31	C14-31	Đinh Chí Minh Quân		7.50	HSTT	22.8
32	B12	B12-32	C12-30	Nguyễn Thị Kim Quý		8.30	HSG	22.9
33	B12	B12-33	C07-34	Nguyễn Cao Sơn		8.20	HSTT	23.3
34	B12	B12-34	C05-31	Văn Hoàng Sơn		8.50	HSG	22.6
35	B12	B12-35	C04-30	Đỗ Đức Tài		8.60	HSG	22.1
36	B12	B12-36	C03-30	Huỳnh Thị Hương Thảo	x	8.40	HSTT	23.8
37	B12	B12-37	C14-38	Nguyễn Phương Thảo	x	8.50	HSG	22.9
38	B12	B12-38	C06-37	Lê Tân Phước Thọ		8.40	HSTT	21.9
39	B12	B12-39	C15-35	Phan Nguyễn Minh Thư	x	8.60	HSG	22.5
40	B12	B12-40	C05-36	Trần Nguyễn Anh Thư	x	8.30	HSG	22.8
41	B12	B12-41	C14-42	Trần Ngọc Tiến		7.90	HSTT	21.8
42	B12	B12-42	C10-41	Nguyễn Huỳnh Bảo Trân	x	7.90	HSTT	22.7
43	B12	B12-43	C06-41	Võ Minh Trí		8.00	HSTT	23.8
44	B12	B12-44	C08-43	Lưu Kha Khả Vy	x	8.40	HSTT	22.4
45	B12	B12-45	C05-42	Trương Thị Đan Vy	x	8.70	HSG	23.6